

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/DS-ST  
Ngày: 17-9-2024  
V/v “tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn La; ông Nguyễn Văn Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXXST-DS ngày 23/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-DS ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân G, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Nghiêm Thị T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Đồng Xuân S, sinh năm 1986, địa chỉ ở thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt; anh C, chị T xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân C trình bày:***

Anh có quan hệ với anh Nguyễn Xuân G là anh em họ (con bác, con chú). Ngày 01/8/2021, anh G cần tiền nên có hỏi vay anh số tiền 100 triệu đồng, do là anh em nên anh đồng ý và cũng không hỏi rõ mục đích vay để làm gì, hai bên thoả thuận thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,5%/tháng, hai bên không làm văn bản giấy tờ. Anh giao số tiền 100 triệu đồng cho vợ anh G là chị L tại nhà anh G, chị L. Khi đó có anh G ở nhà nhưng anh G đang ăn cơm ở trong nhà, ở tại bàn uống nước anh giao tiền cho chị L.

Trước đây ở Công an xã Đ làm việc, anh trình bày có đưa 100 triệu đồng cho anh Đồng Xuân S là không chính xác, thực tế anh và anh G là anh em họ nên anh mới tin và cho vợ chồng anh G vay, chứ anh không biết anh S là ai, lúc đó anh đưa cho chị L và chị L đã nhận 100 triệu của anh, sau chị L đưa 100 triệu đồng này cho anh S (chị L đưa tiền cho anh S vay hay là như thế nào thì anh không biết) .

Vợ chồng anh G, chị L đã trả lãi cho anh được khoảng 06 tháng, tổng 18 triệu đồng (đưa tay không làm giấy tờ hoặc chuyển khoản). Đến thời hạn trả nợ, anh có nhiều lần yêu cầu anh G thanh toán tiền gốc vay và lãi cho anh nhưng anh G không thực hiện (anh có nhắn tin zalo cho anh G vào ngày 25/9/2022)

Nay anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc vợ chồng anh G, chị L phải thanh toán nợ gốc 100 triệu đồng và lãi 10%/năm của số tiền 100 triệu đồng tính từ 01/8/2022 đến khi trả hết nợ cho vợ chồng anh.

***Bị đơn anh Nguyễn Xuân G trình bày:***

Anh là anh em họ với anh Nguyễn Xuân C. Vợ chồng anh có quen biết anh Đồng Xuân S, sinh năm 1986, địa chỉ ở thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vào khoảng gần cuối năm 2021, vợ chồng anh biết anh S muốn vay tiền; anh C thì có tiền cho vay nên anh giới thiệu anh S với anh C. Sau đó (thời gian cụ thể anh không nhớ), anh S và anh C gặp nhau tại nhà anh, hôm đó anh có ở nhà nhưng không trực tiếp chứng kiến sự việc anh C cho anh S vay tiền và thoả thuận như thế nào (chỉ có vợ anh là chị L chứng kiến), song anh có biết (do vợ anh nói chuyện lại) hôm ấy anh C cho anh S vay 100 triệu đồng, lãi là 1.500 đồng/01 triệu đồng/01 ngày.

Sau này hàng tháng anh S chuyển tiền lãi đối với số tiền vay của anh C (100 triệu đồng) và lãi với số tiền nợ vợ chồng anh (200 triệu đồng nợ từ trước đó) cho vợ anh rồi vợ anh chuyển lãi lại cho anh C, cứ khi nào chậm lãi là anh C lại yêu cầu vợ chồng anh phải chuyển trả lãi. Thời gian anh không nhớ cụ thể nhưng đến khi vợ chồng anh không chuyển lãi cho anh C 4-5 tháng thì anh C bắt đầu đòi nợ gốc. Khi đó vợ chồng anh không có tiền nên có khất anh C là khi nào bán được đất thì trả.

Nay anh C đòi vợ chồng anh phải trả số tiền gốc 100 triệu đồng và tiền lãi 1,5%/01 tháng, quan điểm của anh như sau: Anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh C vì vợ chồng anh không vay, không nhận tiền của anh C, anh cũng không ký giấy vay nợ với anh C.

Người vay tiền và nhận tiền là anh S, còn việc hàng tháng anh S gửi tiền lãi cho anh trả hộ là vì: Trước khi anh S vay tiền của anh C thì anh S có nợ vợ chồng anh 200 triệu đồng, đến khi nhận tiền vay của anh C thì anh S và anh C không làm giấy vay nợ với nhau mà anh S làm giấy vay với vợ anh (nội dung giấy là anh S vay của vợ chồng anh 100 triệu đồng, không ghi lãi, đây chính là khoản vay của anh S với anh C). Hàng tháng anh S gửi tiền lãi cho vợ chồng anh trên số tiền gốc 300 triệu đồng, vợ chồng anh lấy tiền lãi anh S gửi để chuyển trả cho anh C trên số tiền vay 100 triệu đồng.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày:***

Chị là vợ của anh Nguyễn Xuân G, sinh năm 1982; anh G1 là anh em họ với anh Nguyễn Xuân C là người khởi kiện.

Vợ chồng chị có quen biết anh Đồng Xuân S, sinh năm 1986, địa chỉ ở thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vào cuối năm 2021, vợ chồng chị biết anh S muốn vay tiền; anh C thì có tiền cho vay nên chúng chị giới thiệu anh S với anh C. Sau đó (thời gian cụ thể chị không nhớ), anh S và anh C gặp nhau tại nhà chị (hôm đó không có anh G ở nhà, chỉ có chị), chị thấy anh C và anh S trao đổi với nhau rồi anh C giao cho anh S số tiền 100 triệu đồng. Thực tế vợ chồng chị không vay, không nhận tiền của anh C.

Do đó, vợ chồng chị không nhất trí trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của anh C.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nghiêm Thị T trình bày:***

Chị là vợ của anh Nguyễn Xuân C, anh C có quan hệ với anh Nguyễn Xuân G là anh em họ (con bác, con chú).

Về việc anh C cho anh G vay tiền: Chị nhất trí với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của anh C, bởi lẽ khi anh G vay tiền của anh C thì chị có được biết. Khi đó, anh G có gọi điện hỏi vay tiền anh C, sau đó trực tiếp anh C mang tiền đến nhà cho anh G vay. Khi anh C đưa tiền cho vợ chồng anh G ở nhà anh G như thế nào thì chị không chứng kiến nhưng chị được anh C nói chuyện lại là anh C đưa tiền cho chị L là vợ anh G. Thời gian sau này nhiều lần anh C yêu cầu anh G trả tiền thì anh G đều khất nợ.

Chị xác định khoản tiền 100 triệu đồng mà anh C cho vợ chồng anh G vay là tiền chung của vợ chồng chị nên chị nhất trí với yêu cầu của anh C, đề nghị Toà án xem xét buộc vợ chồng anh G phải trả gốc, lãi cho vợ chồng chị theo yêu cầu khởi kiện của anh C.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đồng Xuân S trình bày:***

Anh có quan hệ bạn bè với vợ chồng anh G, chị L. Bản thân anh không biết anh Nguyễn Xuân C là ai, anh nhớ vào khoảng tháng 8/2021 (khi đó anh đã vay

của vợ chồng anh G 200 triệu đồng), anh có bảo vợ chồng anh G cho vay tiền thì anh G bảo muốn vay thì xuống nhà, khi xuống đến nhà anh G thì anh thấy có chị L và anh C (lúc đó anh mới biết anh C). Lúc này chị L đưa cho anh vay 100 triệu đồng, anh viết giấy vay với chị L, các nội dung trong giấy vay cũng như nội dung thoả thuận cụ thể về thời hạn, lãi suất thì anh cũng không nhớ (giấy này chị L cầm nên anh không có để giao nộp). Thực tế anh được chị L giao tiền, viết giấy nhận tiền với chị L chứ anh không nhận tiền hay thoả thuận vay tiền gì với anh C vì anh và anh C không hề biết nhau. Hôm đó, anh cũng không nhìn thấy anh C đưa tiền cho chị L hay anh G, có thể anh C đã đưa tiền cho chị L từ trước khi anh đến. Từ sau đó, hàng tháng anh có trả lãi cho vợ chồng anh G trên số tiền gốc đã vay là 300 triệu đồng, cụ thể anh đã trả bao nhiêu, thời gian nào thì anh không nhớ.

Quá trình giải quyết vụ án, do lời khai của các đương sự mâu thuẫn nên đã ban hành Quyết định đổi chất, tuy nhiên, phía bị đơn anh G, chị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh S đã được thông báo 2 lần đều vắng mặt nên không tiến hành đổi chất được. Toà án đã thu thập tài liệu, chứng cứ là: Thu thập tài liệu tại cơ quan Công an xã Đ, lấy lời khai của các đương sự để làm rõ các tình tiết của vụ án. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định pháp luật.

***Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thu thập tài liệu, chứng cứ là:*** Tiến hành lấy lời khai của các đương sự để làm rõ các tình tiết của vụ án; ban hành Quyết định đổi chất giữa các đương sự nhưng không tiến hành đổi chất được do đương sự vắng mặt; thu thập tài liệu liên quan đến giải quyết vụ án tại Công an xã Đ, huyện L; mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định pháp luật.

***Tại phiên tòa:*** Các đương sự đều vắng mặt; anh Nguyễn Xuân C, chị Nghiêm Thị T xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Xuân G, chị Nguyễn Thị L, anh Đồng Xuân S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân C. Buộc anh Nguyễn Xuân G, chị Nguyễn Thị L phải trả cho anh Nguyễn Xuân C, chị Nghiêm Thị T tổng số tiền 121.277.700 đ (một trăm hai một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn

bảy trăm đồng) gồm 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, 21.277.700 đ (hai mươi một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2024 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

Về án phí: Anh G, chị L phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

Quyền kháng cáo: Tuyên theo quy định pháp luật.

- Về yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **Về tố tụng:**

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Xuân C khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Xuân G và vợ phải trả số tiền đã vay cho vợ chồng anh. Tranh chấp giữa vợ chồng anh C với vợ chồng anh G là tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang là nơi cư trú của bị đơn giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh C khởi kiện đòi tiền cho vay. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự đều vắng mặt; anh C, chị T xin xét xử vắng mặt; anh G, chị L, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

#### **Về nội dung: Yêu cầu của đương sự**

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân C về việc buộc vợ chồng anh Nguyễn Xuân G, chị Nguyễn Thị L phải trả nợ gốc, tiền lãi:

\* Về số tiền gốc:

Nguyên đơn anh C yêu cầu vợ chồng anh G, chị L phải trả số tiền gốc 100 triệu đồng mà anh đã cho vay vào ngày 01/8/2021. Vợ chồng anh G, chị L không đồng ý trả vì cho rằng không được vay số tiền 100 triệu đồng của anh C mà người vay là anh S.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự khai mâu thuẫn, Toà án đã ban hành Quyết định đối chất song phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên không tiến hành đối chất được. Anh C khai không quen biết anh S, ngày 01/8/2021, anh có cho vợ chồng anh G, chị L vay số tiền 100 triệu đồng, hai bên không làm giấy tờ, anh giao số tiền này cho chị L tại nhà anh G, chị L; sau khi giao tiền cho chị L, anh thấy chị L đưa số tiền này cho anh S. Bản thân anh S cũng xác định không quen biết anh C, anh xác định không vay tiền của anh C mà vay của vợ chồng anh G, chị L, anh viết giấy vay nợ số tiền 100 triệu đồng với chị L. Như vậy, lời khai của anh C phù hợp với lời khai của anh S, phù hợp với bản phôi tờ giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 01/8/2021 giữa anh S và chị L (do Công an xã Đ cung cấp) có căn cứ xác định mối quan hệ giữa anh C và anh S, về việc anh S là người nhận tiền của chị L. Anh C khai đã nhiều lần đòi tiền anh G (có tin nhắn qua zalo), bản thân anh G khai không trả lãi được 4-5 tháng thì anh C đòi nợ gốc, anh có khát khi nào bán được đất thì trả, anh G cũng thừa nhận chị L và anh S viết giấy vay nợ với nhau, hàng tháng anh S trả tiền lãi thì chị L lại chuyển tiền lãi cho anh C. Từ những tình tiết trên có cơ sở khẳng định người vay số tiền 100 triệu đồng của anh C là vợ chồng anh G, chị L đúng như trình bày của anh C.

Anh C khai cho vợ chồng anh G, chị L vay tiền với thời hạn 01 năm. Mặc dù khi cho vay không làm văn bản giấy tờ, vợ chồng anh G, chị L không thừa nhận vay nhưng cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ để chứng minh, do đó, căn cứ vào tin nhắn đòi tiền của anh C gửi anh G thì có cơ sở xác định lời khai của anh C về thời hạn vay là đúng. Do anh G, chị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh C yêu cầu buộc vợ chồng anh G, chị L phải trả số tiền gốc vay 100 triệu đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

\* Về số tiền lãi:

Anh C khai cho vợ chồng anh G, chị L vay 100 triệu đồng với lãi 1,5%/tháng, đã thanh toán lãi được khoảng 06 tháng. Nay anh yêu cầu tính lãi 10%/năm của số tiền 100 triệu đồng tính từ 01/8/2022 đến khi trả hết nợ cho vợ chồng anh. Bị đơn anh G trình bày anh C cho anh S vay lãi với mức 1.500 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, không trả lãi được khoảng 04-05 tháng thì anh C đòi gốc. Như vậy, có thể khẳng định hợp đồng vay giữa anh G, chị L với anh C là vay có kỳ hạn, có lãi. Anh C yêu cầu tính lãi 10%/năm của số tiền 100 triệu đồng tính từ 01/8/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Số tiền lãi anh G, chị L phải chịu tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày xét xử 17/9/2024 là: 02 năm 01 tháng 16 ngày \* 100 triệu đồng \* 10%/năm = 21.277.700 đồng.

Như vậy, vợ chồng anh G, chị L phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh C, chị T tổng số tiền là 100.000.000 đồng tiền nợ gốc + 21.277.700 đồng tiền lãi = 121.277.700 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân C. Buộc anh Nguyễn Xuân G, chị Nguyễn Thị L phải trả cho anh Nguyễn Xuân C, chị Nghiêm Thị T tổng số tiền 121.277.700đ (một trăm hai một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm đồng) gồm 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, 21.277.700đ (hai mươi một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2024 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí:

Anh G, chị L phải chịu 6.063.900đ (sáu triệu không trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh C không phải chịu án phí. Hoàn trả anh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.375.000đ (ba triệu ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007527 ngày 25/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Mai Lan**

